TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 31/10/2024
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Nhu
Bà Phạm Thị Mai Hoa

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, thụ lý số 25/2024/HNGĐ – PT ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXPT - HNGĐ ngày 16/10/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Minh N**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Lê Thị Minh N – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ - ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung được tóm tắt như như sau:

* Nguyên đơn, chị Lê Thị Minh Nh bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Côn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương16/11/2020. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình anh Cn P, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa mẹ chồng, nàng dâu bất đồng quan điểm. Anh C hiểu, không chia sẻ nên chị luôn bị áp lực về mặt tinh thần. Ngày 17/6/2023, tại nhà bố mẹ đẻ của chị, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, anh Cchị, gây hoảng loạn tinh thần cho chị. Chị đã báo Công an xã Myêu cầu xử lý hành vi bạo hành của anh C. Do quá sợ hãi nên từ tháng 6/2023 đến nay chị ở nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh C. Trong thời gian này, anh C ăn năn, hối lỗi, cho rằng vì áp lực công việc nên mới đánh chị. Tháng 3/2024, Công an xã Mthông báo kết quả xử lý hành vi bạo hành của anh Cới chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: Chị và anh C (một) con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/10/2022, hiện chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tến khi con đủ 18 và đề nghị anh Cưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị không đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh Cuyện đưa ra là 2.000.000 đồng/tháng, vì số tiền này không đáp ứng đủ nhu cầu thiết yếu trong việc chi tiêu cho cháu Ti điều kiện xã hội. Hiện nay do con thường xuyên ốm đau nên chị phải chi tiêu cho cháu Tg từ 6.000.000đồng đến 10.000.000đồng/tháng (có bảng kê chi tiêu cơ bản).

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn, anh Nguyễn Đình C bày:* Anh thống nhất lời trình bày của chị Nhời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Ngày 17/6/2023, vợ chồng xảy ra bất hòa và anh đã đánh chị Nnhà bố mẹ đẻ của chị N. Chị Nđơn yêu cầu Công an xã lập biên bản sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 535/QĐ – XPHC ngày 23/02/2024 xử phạt hành chính đối với anh, số tiền 7.500.000đồng về hành vi xâm hại sức khỏe thành viên gia đình, anh đã nộp phạt xong. Từ tháng 6/2023, anh và chị N ly thân, anh chỉ xuống thăm con, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh Cnhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh C nhất lời trình bày của chị Non chung. Sau ly hôn, anh C nhất việc chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Cuyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tính từ ngày có bản án, quyết định của Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của gia đình chị N, anh Ct quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Sau một thời gian chung sống, vợ chồng chị N, anh Cy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 6/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh C hành vi đánh chị Nã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ- ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đã căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 107 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228,** Điều 271 và Điều 273 của **Bộ luật tố tụng dân sự**; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Minh N, xử cho chị Lê Thị Minh N ly hôn anh Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/10/2022 (con chung đang sống cùng với chị N). Anh Cyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Anh Nguyễn Đình Chĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng là 2.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm chị Lê Thị Minh Nơn kháng cáo đề nghị tăng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Ngữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh Cđang làm nhiệm vụ tại đảo T, thông qua gia đình anh Chị Tòa án giải quyết vắng mặt và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Nguyễn Đức Thị N dưỡng, buộc anh Chĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị N0.000đồng/tháng là

phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Ng cáo trong thời hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Minh N: Chị Ng cáo cho rằng với mức cấp dưỡng mà Toà án cấp sơ thẩm buộc anh Ccấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/1 tháng là không phù hợp với chi phí thực tế, vì cháu Tị ốm do thường xuyên bị thiếu máu, thiếu sắt, hay phải đi bệnh viện và uống thuốc điều trị, do vậy việc chi phí nuôi dưỡng cháu T bình phải khoảng từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/1 tháng. Tại phiên toà chị N trình tài liệu là các phiếu xét nghiệm máu của cháu Tệnh viện N1. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao quy định, trường hợp các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Tòa án căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng để quyết định, nhưng mức cấp dưỡng không thấp hơn 1/2 tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Cháu Tsinh sống cùng mẹ tại huyện T, tỉnh Hải Dương, theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính Phủ thì huyện T, tỉnh Hải Dương vùng II, lương tối thiểu theo tháng là 4.410.000đồng. Như vậy theo quy định thì mức cấp dưỡng tối thiểu không được thấp hơn 2.205.000 đồng. Do vậy Toà án cấp sơ thẩm đã buộc anh Ccấp dưỡng tiền nuôi con là 2.500.000 đồng/1 tháng là đúng quy định. Tuy nhiên, xét thấy thực tế cháu Thỏ, sức khoẻ yếu, thường xuyên phải đi bệnh viện nên cần có sự chăm sóc tốt hơn đối với các trẻ em có cùng độ tuổi. Bên cạnh đó anh Ccó công việc và thu nhập ổn định (mức lương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 14.225.760 đồng/1 tháng), do đó để đảm bảo quyền lợi cho cháu T, cần tăng mức cấp dưỡng từ 2.500.000 đồng/1tháng lên 3.500.000 đồng/1 tháng là phù hợp. Anh Cchịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích trên cho thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Minh N.

[3] Về án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị Minh Ng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Minh N. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ- ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương về phần cấp dưỡng nuôi con như sau:

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, 107 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228,** Điều 271 và Điều 273 của **Bộ luật tố tụng dân sự**; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Minh N tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/10/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Cyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Đình Chĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng là 3.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Về án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị Minh Ng phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Hoàn trả chị N000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005609 ngày 23/7/2024, chị Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Cchịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh Hải Dương;*
- *TAND huyện Tứ Kỳ*
- *Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền